



Tuần 17 (25/04-29/04/22)

BSC WEEKLY REVIEW

***Đánh giá về việc dự báo
danh mục ETF Diamond***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Nín thở chờ những tín hiệu và thông tin mới*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Đánh giá về việc dự báo danh mục ETF Diamond*
3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tạm cân bằng trong quá trình dò đáy*
4. TIN VĨ MÔ: *GDP quý I.2022 Trung Quốc đạt 4.4%*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *Đóng vị thế các khuyến nghị*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Viễn thông 7.62%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF Diamond, Fubon tăng quy mô*
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Nín thở chờ những tín hiệu và thông tin mới

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1379.23	-5.44%
GTGD/phần (tỷ VND)	21,884.34	12.89%
Khối ngoại (tỷ VND)	2587.33	
HNX-INDEX	359.12	-10.91%
GTGD/phần (tỷ VND)	2236.59	3.71%
Khối ngoại (tỷ VND)	32.10	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4271.78	-2.77%	-2.75%	-5.49%
EU (EURO STOXX)	3840.01	-2.24%	0.31%	-0.75%
China (SHCOMP)	3086.92	0.23%	0.23%	-5.63%
Japan (NIKKEI)	27105.26	-1.63%	0.04%	-3.71%
Korea (KOSPI)	2704.71	-0.86%	0.43%	-0.93%
Singapore (STI)	3361.11	0.38%	0.76%	-1.14%
Thailand (SET)	1690.59	0.00%	0.97%	1.00%
Philippines (PCOMP)	6998.59	-0.89%	0.20%	-0.15%
Malaysia (KLIC)	1601.97	0.23%	0.39%	0.19%
Indonesia (JCI)	7225.61	-0.70%	-0.14%	2.50%
Vietnam (VNIndex)	1379.23	0.66%	-5.44%	-7.94%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phần	HĐM^ / phần
VN30F2204	1426.80	-1.21%	30,689	27,236
VN30F2205	1445.00	0.05%	1,647	10,393
VN30F2206	1444.60	0.02%	22	669
VN30F2209	1447.90	0.25%	15	203

TTCK VIỆT NAM

VN-Index lao dốc mạnh khi dòng tiền cơ cấu lại và áp lực giải chấp margin.

VN-Index bất ngờ giảm mạnh dưới 1,420 điểm (SMA200) và duy trì 6 phiên giảm điểm liên tiếp. Tính chung cả tuần, VN-Index giảm -5.44% với mức đóng góp chủ yếu của nhóm cổ phiếu Bất động sản và Ngân hàng (đang chiếm tỷ trọng 54% trong rổ VN-Index). Trước sự cơ cấu lại của dòng tiền và áp lực giải chấp, mức giảm điểm lan rộng trên 18/19 ngành. Từ lúc chỉ tập trung giảm điểm ở nhóm BĐS, đà giảm lan rộng qua các nhóm ngành như Ngân hàng, dịch vụ tài chính, xây dựng và vật liệu, dầu khí và hóa chất kéo thị trường vào vòng xoáy giải chấp margin. Tâm lý bi quan tăng mạnh nhưng thị trường vẫn ghi nhận điểm tích cực về khối ngoại mua ròng 63 triệu USD, KQKD quý I tăng 78.9% cùng kỳ với 33% số công ty công bố báo cáo tài chính và sự trở lại của các cổ phiếu lớn trong rổ VN30. Với mức lợi nhuận tích cực trên, chỉ số P/E VN-Index có thể giảm về gần 14 lần, mức hấp dẫn trong 2 năm gần nhất qua đó có thể giúp VN-Index sớm cân bằng trên mức 1,350 điểm. Thủ tướng Chính phủ tiếp tục yêu cầu thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thị trường tài chính, tiền tệ. Chỉ trong tháng 4, Thủ tướng đã có 2 công điện và 2 văn bản về vấn đề này. Thủ tướng cũng chủ trì hội nghị phát triển thị trường vốn an toàn, minh bạch, hiệu quả nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế tổ chức vào chiều ngày 22/4 với sự tham gia của nhiều bộ ban ngành, các tập đoàn, NHTM nhà nước và các Doanh nghiệp. Hội nghị sẽ tập trung trao đổi về thực tế, các giải pháp phát triển thị trường vốn cũng như các giải pháp quản lý giám sát thị trường vốn an toàn, minh bạch.

TTCK THẾ GIỚI

Các NHTW đẩy nhanh chính sách thắt chặt tiền tệ dù triển vọng tăng trưởng thế giới ảm đạm.

Quan điểm chủ tịch FED tại Diễn đàn kinh tế toàn cầu cho thấy FED đã sẵn sàng cho việc tăng lãi suất nhanh hơn khoảng 0.5% cho kỳ họp tháng 5 tới. Lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm tăng lên mức 2.9%, gần mức cao nhất kể từ 2018 trong khi TTCK lù lù từ 1-2%. Tính chung 5 ngày giao dịch, các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm từ 1.2% – 3.4%, ngoại trừ DJ tăng nhẹ 0.6%. Các chỉ số CK Châu Âu và Á tăng nhẹ, TTCK Việt Nam và Trung Quốc là ngoại lệ với mức giảm bình quân 4.5%. Thị trường hàng hóa ghi nhận mức giảm 1.3% sau tuần thứ 2 tăng liên tiếp. Bên cạnh những nỗi lo về lãi suất và xung đột, mùa công bố KQKD quý I cũng không bình yên khi chứng kiến sự lao dốc 35% của cổ phiếu Netflix khiến cho diễn biến các thị trường đều trong trạng thái bấp bênh. WB và IMF đều bi quan về tăng trưởng kinh tế toàn cầu do ảnh hưởng chiến tranh nga - Ukraine. WB đã triển vọng tăng trưởng thế giới xuống còn 3.1% so mức dự báo 4.1% trước đó. Khu vực cắt giảm mạnh là Châu Âu và Trung Á. WB cũng đề xuất kế hoạch ngân sách 170 tỷ USD trong 15 tháng để ứng phó với khủng hoảng. IMF cũng dự báo mức tăng trưởng toàn cầu 2022 ở mức 3.6%, giảm 0.8% so với dự báo vào tháng 1/2022. 3 lý do của sự sụt giảm gồm cuộc chiến Ukraine – Nga làm tăng giá cả kéo theo sản lượng thấp và lạm phát cao hơn; suy thoái kinh tế Trung Quốc do chống dịch và Các NHTW thắt chặt chính sách tiền tệ trước áp lực lạm phát. Ngoài ra, các nghiên cứu độc lập khác gần đây chỉ ra rằng tình trạng lạm phát đình đốn và chiến tranh Nga – Ukraine là 2 mối đe dọa lớn nhất với nền kinh tế thế giới năm nay.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



CHUYÊN MỤC TUẦN: Đánh giá về việc dự báo danh mục ETF Diamond

Ngày 18/04/2022, Sở GDCK Tp HCM (Hose) đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần cũng như các hệ số của các cổ phiếu, theo đó các cổ phiếu bị loại bao gồm: CTD, NLG, giữ nguyên cổ phiếu KDH và thêm mới 3 cổ phiếu: DHC, OCB, TCM.

Theo kết quả dự báo của BSC tại Báo cáo tuần 15, BSC đã dự báo chính xác 2 cổ phiếu bị loại là CTD, NLG và 3 cổ phiếu thêm mới là DHC, OCB, TCM. Đối với trường hợp dự báo cổ phiếu HCM được dự báo thêm mới nhưng không được lọt vào rổ Diamond và KDH dự báo bị loại tuy nhiên vẫn được giữ lại trong rổ, nhóm phân tích BSC đánh giá như sau:

1. HCM: là cổ phiếu thuộc nhóm ngành tài chính – cùng phân loại nhóm ngành với nhóm cổ phiếu ngân hàng theo phân nhóm ngành GICS do Hose công bố do đó đã không được chọn để đủ 08 cổ phiếu ngoài ngành (khi 1 nhóm bị áp ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa). Nhóm phân tích BSC đã áp dụng tiêu chuẩn phân nhóm ngành Ngân hàng để lựa chọn các cổ phiếu ngoài ngành này;

2. KDH: không đáp ứng tỷ lệ FOL tối thiểu áp dụng cho nhóm cổ phiếu thuộc rổ Diamond kỳ trước tuy nhiên KDH vẫn được lựa chọn trong danh sách để sắp xếp theo thứ tự giá trị FOL giảm dần để chọn đủ 08 cổ phiếu ngoài ngành (khi 1 nhóm bị áp ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa). Với những tiêu chí trên KDH được lựa chọn cùng 2 cổ phiếu khác là TCM và DHC.

Về việc tính toán tỷ trọng các cổ phiếu mới trong rổ Diamond, nhóm phân tích BSC đánh giá lại dựa theo tiêu chí Giá trị vốn hóa thị trường hiện tại có bổ sung thêm các trọng số: wFOL, wL theo thông số Hose công bố ngày 18/04/2022, cụ thể như Bảng 01.

***Lưu ý:** Chỉ số VN-Diamond mới sẽ có hiệu lực vào ngày 04/05 (đã bao gồm các ngày nghỉ lễ), các ETF liên quan sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục trong hạn cuối vào ngày 29/04/2022.

* Báo cáo tuần 15: [Link](#)

Bảng 01: Danh mục VN-Diamond dự kiến mua bán tại ngày 22/04/2022 (sau điều chỉnh)

STT	Mã CK	Giá	KLCP lưu hành	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn trọng số FOL	Giới hạn trọng số theo thanh khoản	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng cũ	Thay đổi	Giá trị thay đổi (tỷ đồng)	SLCP mua/bán (+/-)	Notes
1	ACB	32,300	2,701,948,075	85%	100%	100%	13%	6.71%	6.21%	0.50%	78.26	2,422,973	
2	CTD	57,000	73,859,473	0%	13%	100%	100%	0.00%	1.73%	-1.73%	(272.67)	(4,783,698)	bị loại
3	CTG	29,400	4,805,750,609	15%	25%	100%	13%	0.48%	0.99%	-0.51%	(79.83)	(2,715,465)	
4	DHC	81,000	69,994,423	65%	13%	100%	100%	0.33%	0.00%	0.33%	52.52	648,400	thêm mới
5	EIB	31,800	1,229,432,904	80%	100%	25%	13%	0.71%	0.70%	0.01%	1.07	33,699	
6	FPT	111,100	907,551,649	85%	100%	100%	25%	14.91%	17.17%	-2.26%	(355.53)	(3,200,107)	
7	GMD	52,400	301,377,957	85%	25%	100%	100%	2.34%	2.56%	-0.22%	(35.11)	(670,039)	
8	KDH	49,000	642,937,069	65%	25%	100%	100%	3.56%	1.75%	1.81%	285.24	5,821,291	
9	MBB	30,000	3,778,321,777	55%	100%	100%	13%	5.64%	5.51%	0.13%	20.92	697,428	
10	MSB	23,100	1,527,500,000	85%	100%	100%	13%	2.71%	2.60%	0.12%	18.48	800,061	
11	MWG	155,800	732,024,465	70%	100%	100%	28%	15.56%	17.58%	-2.02%	(318.20)	(2,042,342)	
12	NLG	45,300	382,940,013	0%	13%	100%	100%	0.00%	1.69%	-1.69%	(266.60)	(5,885,289)	bị loại
13	OCB	24,000	1,369,882,863	55%	50%	100%	13%	0.82%	0.00%	0.82%	128.85	5,368,865	thêm mới
14	PNJ	115,000	242,366,563	85%	100%	100%	98%	16.16%	14.11%	2.05%	322.81	2,807,026	
15	REE	76,600	309,050,926	45%	100%	100%	100%	7.41%	7.57%	-0.15%	(24.06)	(314,038)	
16	TCB	44,100	3,510,914,798	65%	100%	100%	13%	9.11%	6.97%	2.14%	336.97	7,641,149	
17	TCM	72,000	71,260,358	40%	38%	100%	100%	0.54%	0.00%	0.54%	85.50	1,187,448	thêm mới
18	TPB	35,200	1,581,755,495	55%	100%	100%	13%	2.77%	2.88%	-0.11%	(16.63)	(472,484)	
19	VIB	42,500	1,553,142,993	55%	100%	75%	13%	2.46%	1.89%	0.57%	90.08	2,119,644	
20	VPB	36,800	4,445,473,387	70%	75%	100%	13%	7.77%	7.30%	0.47%	74.38	2,021,208	

**Số liệu lấy tại ngày dữ liệu gần nhất*

Nguồn: Bloomberg, FiinPro



PTKT VN-INDEX: VN-Index tạm cân bằng trong quá trình dò đáy

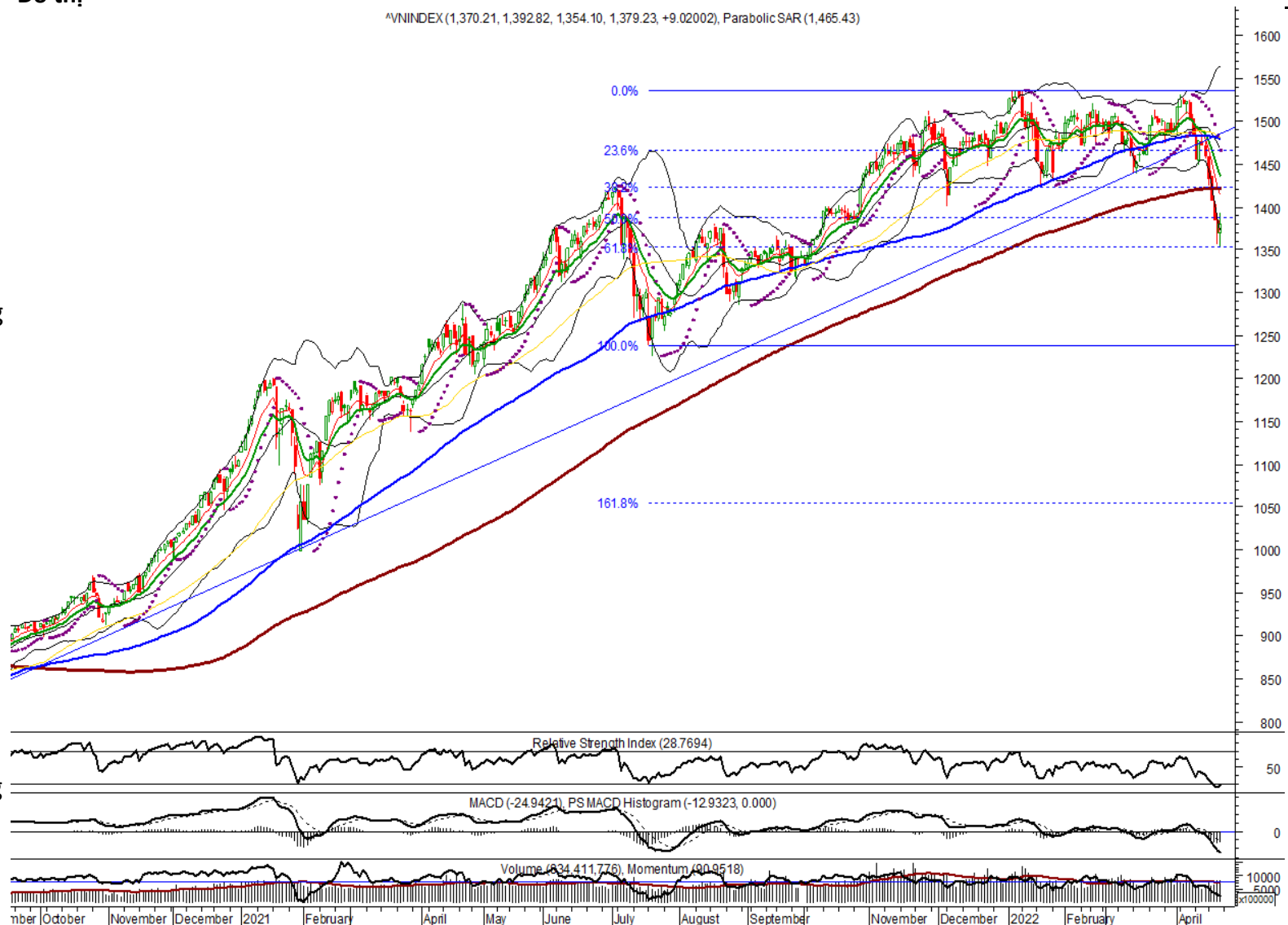
Đồ thị ngày: VN-Index có liên tiếp 6 phiên giảm điểm trước khi hồi phục vào phiên cuối tuần, đây là chuỗi giảm điểm lâu nhất kể từ 2018. Làn sóng bán lần lượt qua các ngành khác trước các thông tin tiêu cực đã kéo thị trường vào vòng xoáy giải chấp margin, qua đó tạo tâm lý rất tiêu cực lên thị trường. VN-Index xuyên thủng qua SMA200 và lùi về sâu về sát 1350 điểm trước khi có phiên hồi phục. Chỉ báo kỹ thuật RSI đã bước vào vùng bán quá, trong khi các chỉ báo kỹ thuật khác chuyển biến xấu. Cây nến doji với bóng nến dài với thanh khoản tăng cao trong 2 phiên cuối tuần cho thấy nỗ lực bắt đáy của thị trường khi đường giá liên tiếp rơi khỏi dải bollinger band.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI giảm từ 35 xuống 28, nằm trong vùng bán quá.
- MACD mở rộng so với đường tín hiệu và mức 0
- VN-Index giảm dưới SMA200

Nhận định: Tín hiệu phục hồi xuất hiện khi VN-Index giảm về mức Fibonacci 61.8% trung hạn. Dấu hiệu này mang lại chút hy vọng về khả năng hồi phục sau 6 phiên giảm điểm. Tuy nhiên vận động chưa đảm bảo cho khả năng thị trường đã có thể tạo đáy. Góc nghiêng đồ thị VN-Index từ giai đoạn tăng 3/2020 giảm từ 45% độ xuống 33% vào tháng 2/2022 và giảm tiếp về mức 28% ở thời điểm hiện tại. Một góc nghiêng đồ thị có thể duy trì tính bền vững ở mức 20 độ, cho thấy chỉ số vẫn sẽ còn những biến động phức tạp trong quá trình tái lập cân bằng mới. Ở những phiên hồi phục, 1420 điểm sẽ đóng vai trò là ngưỡng kháng cự chỉ số và một sự thất bại trong việc lấy lại vùng điểm này NĐT vẫn chưa thể tự tin thị trường có thể quay lại xu hướng tích cực.

Đồ thị



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: GDP quý I.2022 Trung Quốc đạt 4.4%

VIỆT NAM:

- Phó Thủ tướng Lê Văn Thành yêu cầu Bộ Công Thương khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy hoạch điện VIII và triển khai thủ tục để họp Hội đồng thẩm định trước 25/4 tới. Dự kiến quy hoạch tổng công suất nguồn điện hệ thống điện quốc gia đến 2030 là khoảng 146,000 MW, giảm 35,000MW so với dự thảo trước đó.
- Chính phủ vừa ban hành chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến 2030 với mục tiêu xuất khẩu hàng hóa tăng bình quân 6-7%/năm giai đoạn 2021-2030. Chiến lược đặt mục tiêu tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo xuất khẩu lên 88% tổng kim ngạch xuất khẩu vào 2025.
- Trong báo cáo vừa gửi Thủ tướng, Bộ Tài chính cho biết ước thanh toán vốn đầu tư công được hơn 61,536 tỷ đồng vốn đầu tư công trong 3 tháng đầu năm, tương đương đạt hơn 11% kế hoạch năm, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước. Bộ Tài chính cho biết vẫn còn hơn 50,000 tỷ đồng vốn đầu tư công chưa được phân bổ và 29 đơn vị chưa giải ngân kế hoạch vốn.
- Theo thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến tháng 3, số vốn Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam đạt hơn 21.96 tỷ USD với tổng 3,372 dự án. Với số vốn này, Trung Quốc xếp thứ 7 trong danh sách các quốc gia đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam. Chỉ tính riêng tháng 3/2022, tổng số vốn đầu tư từ Trung Quốc đạt khoảng 894 triệu USD với 48 dự án cấp mới.
- Theo Tổng cục Hải quan, trong kỳ 1 tháng 4/2022 (từ ngày 01/4 đến ngày 15/4/2022), tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 32.17 tỷ USD, giảm 12.3% (tương ứng giảm gần 4.5 tỷ USD) so với kết quả thực hiện trong nửa cuối tháng 3/2022. Tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đến hết ngày 15/4/2022 đạt 208.83 tỷ USD.
- Cũng theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng dệt may trong tháng 3 vừa qua đạt 3.05 tỉ đô la, tăng 48.3%, tương ứng tăng hơn 1 tỉ đô la so với tháng trước. Tính chung, trong quý 1- 2022, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 8.68 tỉ đô la, tăng 20.3% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng 1.46 tỉ đô la.

THẾ GIỚI:

- GDP quý I Trung Quốc tăng 4.8%, vượt qua dự báo 4.4% trước đó. Doanh số bán lẻ trong tháng 3 giảm 3.5% so với cùng kỳ năm trước. Đầu tư tài sản cố định trong quý này tăng 9.3%, vượt qua kỳ vọng 8.5%. Sản lượng sản xuất công nghiệp trong tháng 3 tăng 5%, cao hơn 0.5 điểm % so với dự báo từ các chuyên gia. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực đô tăng từ 5.5% trong tháng 2 lên 5.8% trong tháng 3. Xuất khẩu cũng tăng trưởng vượt kỳ vọng 14.7% trong tháng 3, kim ngạch nhập khẩu thì giảm 0.1% so với cùng kỳ năm 2021.
- Cố vấn kinh tế của Tổng thống Ukraine đã đề nghị nhóm các nước G7 hỗ trợ tài chính 50 tỷ USD để trang trải khoản thâm hụt ngân sách do chiến tranh. Đáp lại yêu cầu này, Bộ trưởng tài chính G7 đã cam kết sẽ hỗ trợ cho Ukraine hơn 24 tỷ USD trong năm 2022 và các năm sau đó.
- Trước tình hình căng thẳng chính trị, Chủ tịch của World Bank cho biết định chế này đã cắt giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới năm nay gần 1 điểm phần trăm, còn 3.1% từ mức dự báo 4.1% trước đó. Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF cũng đã hạ dự báo cho 2022-2023, ước tính kinh tế toàn cầu tăng trưởng 3,6% trong năm nay và năm 2023, giảm lần lượt 0,8% và 0,2% so với nhận định trước đó trong tháng 1.
- Đồng yên Nhật đã giảm liên tục suốt 2 tuần nay xuống mức thấp nhất trong hai thập kỷ so với đồng đô la do lo ngại về chênh lệch lãi suất Mỹ - Nhật ngày càng nới rộng, làm trầm trọng thêm áp lực lạm phát nhập khẩu ở Nhật Bản. Bộ trưởng Tài chính Nhật Bản Shunichi Suzuki ngày 19/04 đã đưa ra cam kết sẽ liên lạc chặt chẽ với Mỹ và những nước khác về động thái tiền tệ.
- Bộ Kinh tế Nga cho biết lạm phát Nga đã tăng lên mức 17.62% (tính tới ngày 15/04), cao nhất kể từ đầu năm 2002 và tăng so với mức 17.49% của tuần trước đó. Điều này diễn ra khi sự biến động của đồng Rúp đẩy giá cả tăng vọt trước các lệnh trừng phạt của phương Tây.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Công bố KQKD quý I và mùa hợp ĐHCĐ.
- Thị trường trong nỗ lực tạo đáy, hấp thụ lực bán từ giải chấp margin.
- Ngày 24/4, Bầu Tổng thống Pháp. 26/4, Đơn đặt hàng lâu bền, chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ; Tỷ lệ thất nghiệp Nhật Bản. 27/4, CPI Australia; Doanh thu nhà qua sử dụng và Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 28/4, Doanh thu bán lẻ và Biên bản chính sách tiền tệ Nhật Bản; GDP Q1 công bố lần đầu và đơn xin trợ cấp thất nghiệp của Hoa Kỳ. 29/4, Chỉ số PMI Trung Quốc; GDP Canada; GDP công bố lần đầu của EU.



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
-----------------	-------	---------------------------	--------------	------------	--------------	-----------------	----------	----------------------

Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
--------------------	----------	---------------------------------	-----------------	------------	---------------	--------------------	----------

27/2/22	DGW	120.9	141	110	TP	28	16.63%
27/2/22	PHP	26.9	33	25.3	SL	35	-5.95%
20/2/22	ELC	23.5	28	21.75	TP	49	19.15%
20/2/22	PC1	37.65	44	35	TP	21	16.87%
11/2/22	IDJ	29.5	38.3	26.5	SL	58	-10.17%
11/2/22	TDC	26.55	31.7	24.1	SL	16	-9.23%
30/1/22	VND	69	76	64	TP	28	10.14%
30/1/22	PVI	49.2	54	45	TP	68	9.76%
30/1/22	HCM	37.15	43	34	SL	63	-8.48%
30/1/22	FRT	87.7	100	81.5	TP	12	14.03%
26/12/21	MHC	15.1	18	14	SL	21	-7.28%
26/12/21	SGI	30.5	34.5	28	SL	12	-8.20%
12/12/21	TNG	32.8	37.5	30.2	SL	42	-7.93%
12/12/21	FRT	71.8	94	63	TP	12	30.92%
28/11/21	TLH	21.8	26.2	20.5	SL	63	-5.96%
28/11/21	LCG	20.05	26	18.7	SL	63	-6.73%

TP - Đã chốt lời

SL - Đã cắt lỗ

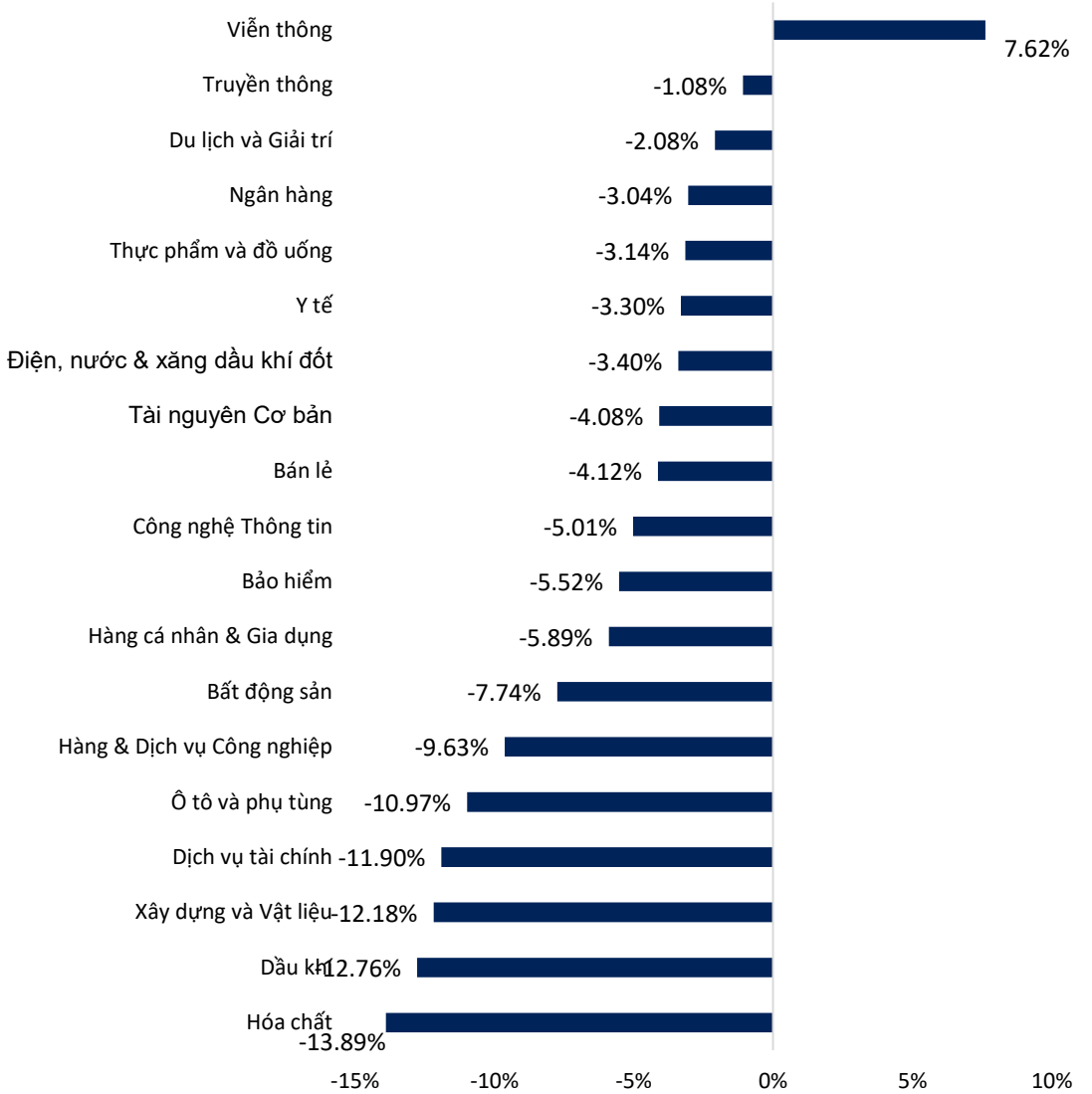
Thống kê	Số khuyến nghị lỗi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lỗi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	0	0	0.00%	0.00%	0%	0%
Đã chốt	147	117	15.65%	-7.99%	5.17%	30



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Viễn thông	1.56%	7.62%	8.33%	VGI	-16.67%	
Truyền thông	0.79%	-1.08%	-8.27%	YEG	-27.23%	FOC -1.44%
Du lịch và Giải trí	0.12%	-2.08%	-6.75%	HVN	-6.41%	VJC 1.69%
Ngân hàng	2.15%	-3.04%	-7.94%	VCB	2.49%	VPB -4.42%
Thực phẩm và đồ uống	-0.09%	-3.14%	-1.08%	VNM	-0.78%	MSN -1.36%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	102.07	-1.66%	-4.05%	-4.20%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	106.65	-1.55%	-4.52%	-4.63%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	330.50	-1.01%	-2.26%	0.01%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,931.60	-1.03%	-2.36%	-0.63%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	24.14	-2.10%	-5.50%	-3.86%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,688.00	-1.83%	1.37%	0.55%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	1,075.25	-0.12%	-2.65%	-2.34%	AFX	
Sữa	USD/cwt	24.55	-0.08%	-3.57%	-1.92%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	255.00	-2.45%	-3.95%	0.59%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	19.21	-3.03%	-4.09%	0.58%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	227.15	-0.42%	1.52%	1.02%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	10,110.00	-1.70%	-1.84%	-1.80%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	5,015.00	-1.38%	-1.38%	3.74%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	3,245.50	-1.59%	0.29%	-7.82%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	890.00	-1.44%	-1.44%	8.34%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	349.75	-2.26%	9.26%	42.55%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	787.06	-2.06%	-2.06%	-0.49%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	2.49%	2.43
VJC	1.69%	0.32
SAB	1.01%	0.28
PDR	2.15%	0.15
VCF	6.25%	0.10
PDN	22.40%	0.10
VSC	6.65%	0.08
ACL	18.65%	0.06
VNS	18.75%	0.04
DBD	2.63%	0.02
Tổng		3.58

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VHM	-9.00%	-7.14
GVR	-18.06%	-6.67
VIC	-3.72%	-2.93
SHB	-15.68%	-2.08
CTG	-5.16%	-1.97
VPB	-4.42%	-1.96
NVL	-3.69%	-1.53
PLX	-8.41%	-1.52
GAS	-2.43%	-1.37
MBB	-4.46%	-1.35
Tổng		-28.53

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
GEX	306.21	9.93
DXG	184.73	32.05
NLG	183.15	32.10
VRE	176.41	30.52
STB	173.93	20.84
VNM	142.97	54.20
FUEVFN	142.47	
VIC	138.53	12.58
KBC	130.72	18.78
DCM	105.87	7.13
Tổng	1,684.99	

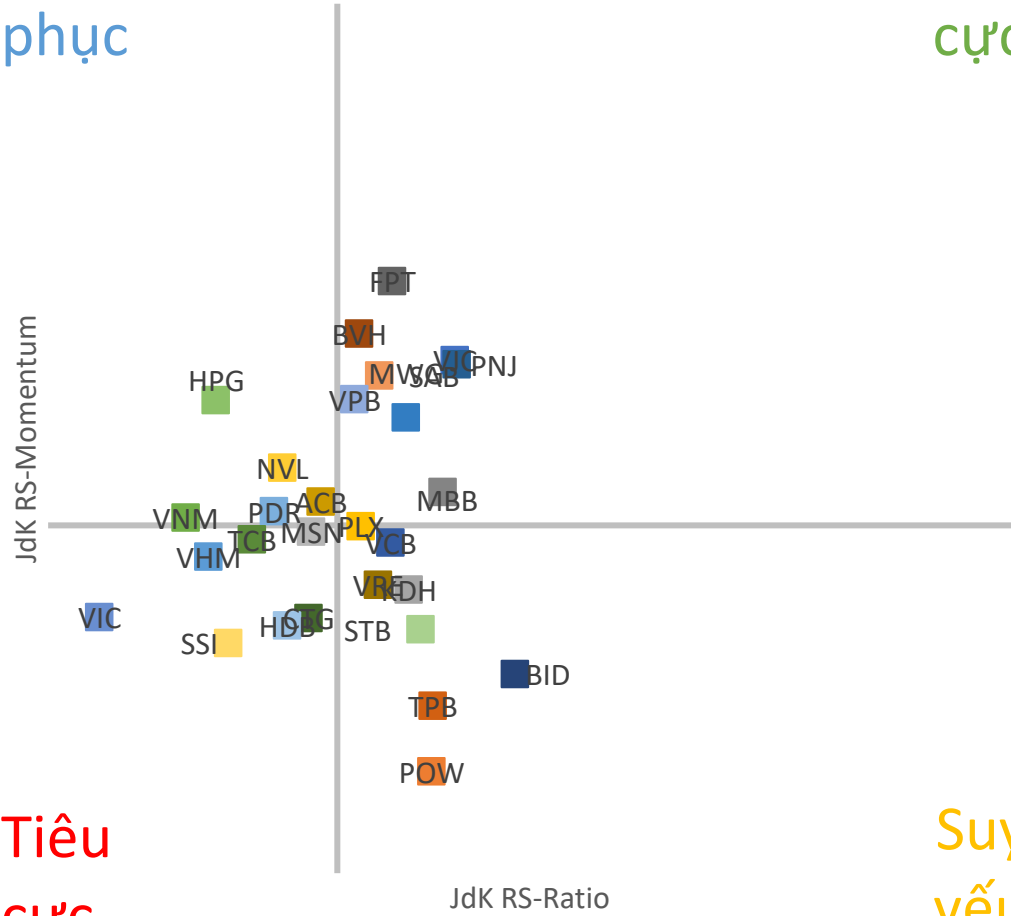
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VHM	-189.07	23.54
DGC	-132.90	14.43
BVH	-105.87	26.28
SSI	-101.02	37.46
CII	-83.14	12.24
HPG	-83.09	21.64
OCB	-72.04	
PHR	-57.33	13.99
VND	-55.61	17.07
PTB	-40.87	20.35
Tổng	-920.94	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
VJC	106.109	104.7413	11.81%
PNJ	106.2114	104.6241	11.21%
BVH	101.1432	105.5049	15.81%
FPT	102.8604	107.0147	25.11%
SAB	102.1879	104.2985	15.56%
MWG	103.5685	103.0957	17.58%
MBB	105.4723	100.9554	-0.66%
GAS	102.8131	101.1023	3.03%
VPB	100.8966	103.617	8.39%
VNM	92.14208	100.2188	-8.66%
PDR	96.73591	100.3973	-2.58%
NVL	97.15314	101.6554	1.00%
HPG	93.71148	103.5984	-0.45%
ACB	99.15306	100.6783	-6.51%
GVR	93.29673	102.4629	-5.45%
POW	104.8995	92.924	-21.47%
KDH	103.708	98.14533	-5.22%
PLX	101.2261	99.97064	-10.70%
VRE	102.1291	98.28474	-8.04%
BID	109.2348	95.72039	-19.71%
TPB	104.9537	94.80533	-16.09%
VCB	102.7625	99.49711	-7.64%
STB	104.327	97.00208	-14.79%
VHM	93.32945	99.09453	-17.68%
CTG	98.52176	97.32559	-20.33%
MSN	98.65729	99.80856	3.47%
VIC	87.66286	97.3583	-19.90%
TCB	95.58074	99.59544	-9.72%
HDB	97.40525	97.11752	-18.61%
SSI	94.35738	96.6069	-21.12%

Hồi
phục

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index



Tích
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX				ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
	Ngày	Tuần	Tháng						1W	1M	3M
Giá trị mua	3,381.44	11,423.73	33,614.74	VNM	459.16	17.39	0.00	-0.19%	0.00	-4.72	-24.17
Giá trị bán	2,457.77	8,836.40	30,148.58	FTSE	320.09	40.32	0.00	-0.68%		-11.87	-23.37
Mua / bán ròng	923.67	2,587.32	3,466.14	iShare	465.31	0.00	0.00	0.00%	-3.30	-15.00	-15.11
				E1VFN30	377.63	1.06	6.70	2.76%	19.9	-18.2	-73.3
				FUEVFN30	695.43	1.29	1.31	0.35%	8.2	45.2	63.1
				FUBON FTSE	469.67	0.55	26.00	1.69%	14.2	21.5	73.0
				FUESSVFL	141.02	0.88	0.00	1.67%	1.8	-4.8	1.9
				FUESSVN30	4.20	0.78	0.00	3.06%	-0.3	-0.3	-0.2
				FUEMAVN30	28.60	0.74	0.00	-0.93%	0.0	0.0	0.0
				VN100	7.90	0.81	0.00	1.43%	0.00	0.00	1.74
				KIM	169.00	18.17	0.00	0.86%	0.00	0.00	
				PREMIA	27.17	11.71	0.00	-1.42%	0.00	-0.49	-0.51

Nhận định: Khối ngoại đẩy mạnh mua ròng trong tuần. Các ETF mua bán trái chiều nhưng quy mô mua vào vẫn áp đảo với E1 và Dimond tăng quy mô. Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

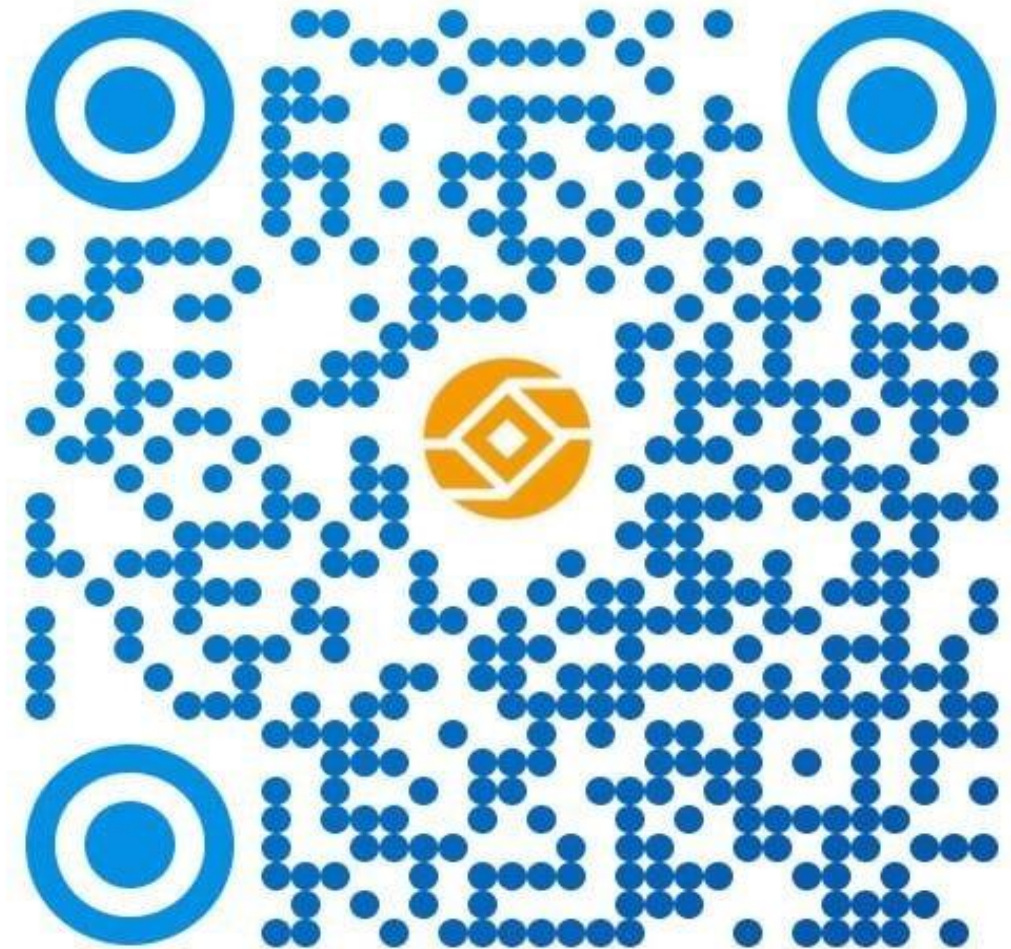
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

